

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG IDEAA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG IDEAA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDEAA CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: IDEAA.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107930551

**3. Ngày thành lập:** 20/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 25, ngách 88/97 phố Trần Quý Cáp, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969.876.868

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                       | 5210     |
| 2.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>- Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp                                                                                                                                                                                         | 4290     |
| 3.  | Đại lý du lịch<br>- Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa; Kinh doanh lữ hành quốc tế.                                                                                                                                                                                             | 7911     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>- Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                            | 8299     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                              | 4641     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                            | 4653     |
| 7.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                      | 4661     |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                               | 4662     |
| 9.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771     |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                               | 4651     |
| 11. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                               | 4724     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>- Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610 |
| 13. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4752 |
| 14. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0312 |
| 15. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0321 |
| 16. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>- Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4620 |
| 17. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7729 |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>- Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7730 |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>- Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vàng, bạc trang sức; đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hoả, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4773 |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu. | 4649        |
| 23. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6202        |
| 24. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4390        |
| 25. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>- Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                      | 4530        |
| 26. | Vận tải đường ống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4940        |
| 27. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7912        |
| 28. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330        |
| 29. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2630        |
| 30. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4100(Chính) |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4210        |
| 32. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 33. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652        |
| 34. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310        |
| 35. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2710        |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4759        |
| 37. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4631        |
| 38. | Sửa chữa thiết bị khác<br>- Chi tiết: Sửa chữa dây, đôn bẫy, buồm, mái che; Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất; Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hoá, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu                                                                                                                                                                                                                                                                | 3319        |
| 39. | Bán buôn đồ uống<br>- Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Bán buôn thực phẩm<br>- Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác;                                                                                                                                                        | 4632 |
| 41. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;                                                                                                                                              | 4663 |
| 42. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4753 |
| 43. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4764 |
| 44. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự                                                                                                                                                                                                           | 5510 |
| 45. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630 |
| 46. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722 |
| 47. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4723 |
| 48. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321 |
| 49. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí<br>- Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322 |
| 50. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5224 |
| 51. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>- Chi tiết: Giao nhận hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5229 |
| 52. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4721 |
| 53. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8560 |
| 54. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4220 |
| 55. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0910 |
| 56. | Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3520 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 57. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                   | 4741 |
| 58. | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                                                  | 0311 |
| 59. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                                                              | 0322 |
| 60. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                            | 5621 |
| 61. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                           | 4933 |
| 62. | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế                                                                                                                                                                                                                                        | 1920 |
| 63. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; | 4659 |
| 64. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 65. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>- Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                     | 4932 |
| 66. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                      | 5022 |
| 67. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                  | 5012 |
| 68. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                | 5222 |
| 69. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>- Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                              | 5221 |
| 70. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                             | 7920 |
| 71. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                            | 2817 |
| 72. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                           | 4329 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THANH VÂN | Số 39, Tổ 25, Cụm 3, Tập thể Bộ TL Hóa Học, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 15,000    | 03818000047                                                                                 |         |
|     |                  |                                                                                                     | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THU HƯƠNG | Số nhà 40, Tổ 67 Linh Quang, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 15,000    | B8160827                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                                     | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VIỆT DŨNG | Số 40, tổ 67, đường Linh Quang, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 700.000    | 7.000.000.000         | 70,000    | 012451811                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                     | Tổng số           | 700.000    | 7.000.000.000         | 70,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/12/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012451811

Ngày cấp: 12/12/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 40, tổ 67, đường Linh Quang, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 40, tổ 67, đường Linh Quang, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội